

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 162/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 11 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương;
2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 512/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HN, ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Thị Yến N**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp B1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: ấp Tân Thành, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn Chí L**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp B1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Lê Thị Yến N (Sau đây gọi chị N) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Văn Chí L (Sau đây gọi anh L) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không quan tâm lo lắng đến gia đình, vợ con. Ngoài ra, chồng chị còn có tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó cuộc sống vợ chồng luôn cãi vã nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không

thành nên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Nkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh L.

-Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Y (Nữ), sinh ngày 31 tháng 10 năm 2019. Từ khi ly thân đến nay con chung sống với chị N, khi ly hôn chị yêu cầu được con chung, chưa yêu cầu chồng chị cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Văn Chí L vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị N và anh L qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh L trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N trình bày là anh L không quan tâm lo lắng cho gia đình là đã vi phạm ghĩa vụ vợ chồng, đồng thời do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt, điều đó chứng minh rằng anh L cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Có một người con chung, chị N có yêu cầu được nuôi con. Xét từ khi ly thân đến nay thì con chung do chị N nuôi, hiện tại cháu Yến mới hơn 36 tháng tuổi. Đồng thời, cháu Yến là nữ thì việc giao cho mẹ nuôi sẽ có nhiều mặt thuận lợi hơn cha, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu Yến cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh L có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ và tài sản chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Yến N và anh Nguyễn Văn Chí L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng Y (Nữ), sinh ngày 31 tháng 10 năm 2019 cho chị Lê Thị Yến N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh L có yêu cầu khác.

Nguyễn Văn Chí L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Nguyễn Văn Chí L mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Yến N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008393, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã H,
- h. H, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm